

Số: 6516/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

#### **GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

*Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22/11/2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 5698/NQ-HĐHV ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc Ban hành Chiến lược phát triển Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn năm 2050;*

*Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*



Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình “phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030”;

Căn cứ Công văn số 5778/BGDĐT-QLCL ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 2157/QĐ-HVN ngày 13 tháng 05 năm 2024.

**Điều 3.** Trưởng Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐBCL&PC, NTT (5).

**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thị Lan*

## QUY ĐỊNH

Về đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6516/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây được gọi là Học viện), bao gồm: hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; nội dung hoạt động đảm bảo chất lượng; văn hóa chất lượng.

2. Văn bản này được áp dụng đối với các đơn vị chức năng, các khoa, trường, viện, trung tâm trực thuộc Học viện (sau đây gọi chung là đơn vị), các tổ chức và cá nhân liên quan trong Học viện.

#### Điều 2. Mục tiêu và nguyên tắc

##### 1. Mục tiêu

a) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện.

b) Xác nhận mức độ Học viện hoặc chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong từng giai đoạn nhất định.

c) Làm căn cứ để Học viện giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về chất lượng đào tạo.

d) Làm cơ sở cho người học lựa chọn đơn vị đào tạo, chương trình đào tạo và nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

##### 2. Nguyên tắc

a) Tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, các Bộ, Ban, Ngành liên quan và Học viện.

b) Đảm bảo tính trung thực, khách quan, độc lập, công khai, minh bạch, bình đẳng, chính xác, đầy đủ, bắt buộc, định kỳ và kịp thời.

c) Đảm bảo sự tham gia và hợp tác của tất cả các bên liên quan vào hoạt động đảm bảo chất lượng.

d) Vận hành hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo* là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. *Chất lượng giáo dục* là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của cơ sở giáo dục; đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước và hội nhập quốc tế.

3. *Đảm bảo chất lượng giáo dục* là hệ thống những quy trình, cơ chế, biện pháp, tiêu chuẩn để thực hiện được mục tiêu chất lượng giáo dục, duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

4. *Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong* là toàn bộ hệ thống, nguồn lực và thông tin dành cho việc thiết lập, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

5. *“Đánh giá chất lượng giáo dục”* là quá trình sử dụng các phương thức, công cụ để xác định mức độ đáp ứng theo mục tiêu của đơn vị đào tạo, chương trình đào tạo.

6. *Kiểm định chất lượng giáo dục* là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc do các tổ chức kiểm định quốc tế ban hành được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

7. *Tự đánh giá* là quá trình cơ sở giáo dục tự xem xét, nghiên cứu, đối chiếu với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo để báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, nhân lực, cơ sở vật chất, thực trạng xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và các vấn đề liên quan khác của cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo được đánh giá để cơ sở giáo dục tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

8. *Đánh giá ngoài* là quá trình khảo sát, đánh giá của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ngoài cơ sở giáo dục nhằm xác định mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục.

9. *Cải tiến chất lượng* là hoạt động được thực hiện thường xuyên để khắc phục những tồn tại, hạn chế của cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

10. *Văn hóa chất lượng* là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, niềm tin và cách thức làm việc có chất lượng và hiệu quả được định hình trong từng thành viên, đơn vị của cơ sở giáo dục.

11. *Triết lý giáo dục* là quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

12. *Các bên liên quan* của cơ sở giáo dục gồm có bên liên quan bên trong: người học, giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có), kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý và các tổ chức, cá nhân liên quan khác của cơ sở đào tạo; bên liên quan bên ngoài: cựu người học, người học tiềm năng, gia đình người học, nhà sử dụng lao động, các hội nghề nghiệp, chuyên gia, doanh nghiệp, đối tác, nhà tài trợ, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

13. *Phục vụ cộng đồng* là các hoạt động của cơ sở giáo dục nhằm góp phần vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội, cho cộng đồng.

## CHƯƠNG II

### HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

#### Điều 4. Mục tiêu

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện thực hiện các chức năng thúc đẩy, phát triển và triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng trong các lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học; giáo dục và đào tạo các trình độ khác; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; nghiên cứu khoa học; phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về các ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; phục vụ cộng đồng nhằm đạt các mục tiêu chiến lược phát triển và mục tiêu chất lượng hàng năm mà Học viện đề ra. Các hoạt động của

hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhằm mục đích đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì, nâng cao và cải tiến liên tục chất lượng giáo dục của Học viện.

## **Điều 5. Cấu trúc và cơ cấu tổ chức**

### 1. Cấu trúc

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện gồm 2 cấp:

Cấp Học viện: gồm Hội đồng Đảm bảo chất lượng và Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế (là đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng);

Cấp đơn vị: gồm các Tổ Đảm bảo chất lượng tại các khoa chuyên môn, trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị chức năng trực thuộc Học viện.

### 2. Hội đồng Đảm bảo chất lượng

a) Hội đồng Đảm bảo chất lượng được thành lập, giải thể theo Quyết định của Giám đốc Học viện. Nhiệm kỳ công tác của Hội đồng Đảm bảo chất lượng theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng theo quy định hiện hành.

b) Hội đồng đảm bảo chất lượng có chức năng tư vấn cho Giám đốc Học viện về các vấn đề liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng của Học viện nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của Học viện.

### 3. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế

Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế là đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu tổ chức và thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cùng với các hoạt động khác của Học viện.

### 4. Tổ Đảm bảo chất lượng

Tổ Đảm bảo chất lượng tại các khoa, trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị chức năng được thành lập, giải thể theo quyết định của Giám đốc Học viện, có chức năng tư vấn cho trường đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện công tác đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành.

## **Điều 6. Mô hình đảm bảo chất lượng bên trong**

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện được cấu trúc theo 03 cấp: cấp chiến lược, cấp hệ thống và cấp tác nghiệp dựa trên các mô hình đảm bảo chất lượng bên trong của AUN-QA.

## 1. Cấp chiến lược

a) Nhu cầu của các bên liên quan được chuyển tải vào tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu của Học viện.

b) Học viện xây dựng chiến lược phát triển và các chính sách để phân bổ các nguồn lực, vận hành các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu cụ thể trong tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chung.

c) Cơ cấu tổ chức và phương thức vận hành Học viện được xác lập để phục vụ cho việc quản lý các hoạt động trong Học viện, bao gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

d) Thực hiện đối sánh với quốc gia và quốc tế nhằm giúp Học viện xác định vị thế và mức độ của những thành tích của mình trong mối tương quan với hệ thống giáo dục đại học trong và ngoài nước.

e) Các hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện đều được thực hiện thông qua sự chia sẻ trách nhiệm của tất cả mọi người trong Học viện.

f) Học viện và mỗi đơn vị có cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bên trong và bên ngoài để cải tiến liên tục.

## 2. Cấp hệ thống

a) Mô hình đảm bảo chất lượng bên trong cấp hệ thống bao gồm: các công cụ giám sát; các công cụ đánh giá; các quy trình đảm bảo chất lượng chuyên biệt; các công cụ đảm bảo chất lượng chuyên biệt.

b) Học viện sử dụng hệ thống theo dõi và các công cụ giám sát tiến trình học tập của người học, tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học, thu thập ý kiến đánh giá và phản hồi từ thị trường lao động và cựu người học, và theo dõi kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến chương trình đào tạo và hệ thống hỗ trợ, tư vấn cho người học.

c) Các công cụ đánh giá được thiết kế và áp dụng để đánh giá kết quả học tập của người học, chất lượng giảng dạy môn học và chất lượng của chương trình, chất lượng nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

d) Các quy trình đảm bảo chất lượng chuyên biệt được xây dựng và áp dụng cho các lĩnh vực hoạt động bao gồm: công tác khảo thí; phát triển nguồn nhân lực; cơ sở vật chất và trang thiết bị; hệ thống các dịch vụ hỗ trợ người học.

e) Các công cụ đảm bảo chất lượng chuyên biệt bao gồm: công cụ phân tích SWOT; tự đánh giá và đánh giá ngoài; hệ thống thông tin; sổ tay đảm bảo chất lượng được sử dụng để rà soát, cải tiến nâng cao chất lượng.

### 3. Cấp chương trình

a) Học viện áp dụng quan điểm giáo dục dựa trên kết quả (Outcome-Based Education), mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định dựa trên yêu cầu của các bên liên quan.

b) Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Bản mô tả chương trình đào tạo bao gồm mô tả về cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo, triết lý giáo dục, cách tiếp cận dạy và học, đánh giá sinh viên và nguồn lực bên trong (giảng viên, đội ngũ hỗ trợ, hệ thống tư vấn, hệ thống dịch vụ sinh viên, trang thiết bị, cơ sở vật chất) cho việc thực hiện chương trình.

c) Chương trình đào tạo được thiết kế, phát triển, đánh giá và cải tiến liên tục theo chu trình PDCA (Plan - Do - Check - Act): Lập kế hoạch - Triển khai - Kiểm tra, đánh giá - Cải tiến.

d) Các hoạt động đảm bảo chất lượng cấp chương trình được thực hiện một cách có hệ thống trong tất cả các khâu của quá trình thiết kế và phát triển chương trình trên cơ sở đối sánh với các điển hình tốt của quốc gia và quốc tế nhằm đạt được chất lượng kết quả đầu ra như mong đợi, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

## CHƯƠNG III

### NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

**Điều 7. Đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo đại học, sau đại học; giáo dục và đào tạo các trình độ khác; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**

1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được xây dựng và cải tiến theo đúng quy trình và quy định hiện hành.

2. Giảng viên và người học tuân thủ các quy định hiện hành về dạy và học.

3. Giảng viên áp dụng phương pháp dạy học và đánh giá tích cực giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

4. Giảng viên thường xuyên cập nhật thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học vào nội dung giảng dạy.

5. Giảng viên thực hiện tự đánh giá hoạt động giảng dạy của cá nhân và đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần sau khi kết thúc học kỳ để làm cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học.

6. Định kỳ tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên, chương trình đào tạo, tuần sinh hoạt công dân để cải tiến chất lượng.

7. Các Khoa và Bộ môn chuyên môn, Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn lập kế hoạch và triển khai đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên theo quy định hiện hành làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng, cải tiến nâng cao năng lực của giảng viên.

8. Hàng năm các Khoa chuyên môn triển khai thu thập và phân tích thông tin về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, tình hình người học tốt nghiệp, tốt nghiệp quá hạn, tình hình người học bỏ học, bị buộc thôi học, bị xử lý về học tập, tình hình việc làm và thu nhập của người học sau tốt nghiệp để làm căn cứ cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

**Điều 8. Đảm bảo chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số**

1. Giảng viên, nghiên cứu viên phải tuân thủ các quy định hiện hành về nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

2. Định kỳ hàng năm, giảng viên và nghiên cứu viên tự đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để làm cơ sở cải tiến nâng cao số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3. Các Khoa chuyên môn, Trường, Viện, Trung tâm phối hợp với Ban Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch và triển khai đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của giảng viên và nghiên cứu viên theo quy định hiện hành làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

4. Ban Khoa học và Công nghệ thống kê, lưu trữ số liệu nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng năm của toàn Học viện để quản lý và đảm bảo chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

### **Điều 9. Đảm bảo chất lượng hoạt động đối ngoại**

1. Ban Hợp tác quốc tế phối hợp với các Khoa chuyên môn, Viện, Trung tâm và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch và triển khai hợp tác với các đối tác nước ngoài về đào tạo và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

2. Ban Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Khoa chuyên môn, Viện, Trung tâm và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch và triển khai hợp tác với các đối tác trong nước về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3. Ban Quản lý đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch và triển khai hợp tác với các đối tác trong nước về đào tạo.

4. Định kỳ hàng năm, Ban Hợp tác quốc tế, Ban Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý đào tạo, các Khoa chuyên môn, Trường, Viện, Trung tâm triển khai rà soát, đánh giá kết quả hoạt động đối ngoại và thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động đối ngoại.

### **Điều 10. Đảm bảo chất lượng hoạt động phục vụ cộng đồng**

1. Trung tâm Quan hệ công chúng và Hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch và giám sát các đơn vị thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm.

2. Các đơn vị trong Học viện triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng theo kế hoạch của Học viện.

3. Định kỳ hàng năm, Trung tâm Quan hệ công chúng và Hỗ trợ sinh viên tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan và đánh giá kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng để cải tiến chất lượng.

### **Điều 11. Đảm bảo chất lượng dịch vụ giáo dục công**

1. Các đơn vị được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục công có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định hiện hành.

2. Môi trường, cảnh quan trong và ngoài khuôn viên làm việc luôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

3. Rác thải sinh hoạt, rác thải và chất thải phòng thí nghiệm, thực hành được xử lý theo quy định.

4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

5. Thư viện đảm bảo có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo (tiếng Việt và tiếng nước ngoài), các trang thiết bị, không gian đọc... phục vụ nhu cầu nghiên

cứu, học tập của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và người học. Định kỳ hàng năm, Trung tâm Thông tin Thư viện Lương Định Của khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và người học để cải tiến chất lượng phục vụ.

6. Khu ký túc xá sinh viên đáp ứng yêu cầu về diện tích, tiện ích, an ninh, an toàn, vệ sinh và cảnh quan môi trường.

7. Định kỳ hàng năm, Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục công để cải tiến chất lượng.

## **Điều 12. Tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng cấp Học viện và cấp chương trình đào tạo**

1. Hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng giáo dục cấp Học viện và cấp chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành về chu kỳ, quy trình đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Giám đốc Học viện quyết định lựa chọn cơ quan/tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành dựa trên ý kiến tham mưu của Hội đồng Đảm bảo chất lượng Học viện.

3. Hội đồng Đảm bảo chất lượng tư vấn xây dựng kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp Học viện và cấp chương trình đào tạo.

4. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch tổng thể tự đánh giá và đánh giá ngoài.

5. Hội đồng tự đánh giá được thành lập với thành phần, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và giải thể theo quyết định của Giám đốc Học viện. Hội đồng chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch chi tiết tự đánh giá và đánh giá ngoài.

6. Các đơn vị trong Học viện có nhiệm vụ cung cấp hồ sơ, minh chứng và thực hiện các nhiệm vụ khác của Hội đồng tự đánh giá.

7. Hội đồng tự đánh giá công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ Học viện.

8. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế cập nhật thông tin về kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và gửi báo cáo tự đánh giá cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

9. Học viện công bố công khai Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng trên trang thông tin điện tử của Học viện sau khi được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 13. Hoạt động sau kiểm định chất lượng cấp Học viện và cấp chương trình đào tạo**

1. Kết quả của hoạt động tự đánh giá là cơ sở để thực hiện các hoạt động khắc phục, cải tiến chất lượng trước khi đánh giá ngoài.

2. Sau khi có kết luận của Hội đồng đánh giá ngoài, Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế tham mưu cho Hội đồng Đảm bảo chất lượng của Học viện chỉ đạo xây dựng, triển khai kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng, giám sát các đơn vị thực hiện khắc phục những tồn tại đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài.

3. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế báo cáo kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

4. Giữa chu kỳ kiểm định chất lượng (2,5 năm hoặc 3,5 năm từ khi được cấp chứng nhận), Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế tham mưu cho lãnh đạo Học viện chỉ đạo các đơn vị liên quan thu thập minh chứng, viết báo cáo giữa kỳ kiểm định; tổng hợp và gửi báo cáo giữa kỳ cho các bên liên quan theo quy định hiện hành.

5. Đối với chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt có điều kiện, trong vòng tối đa 02 năm (24 tháng), Học viện phải tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng, tự đánh giá các tiêu chí chưa đạt, cập nhật báo cáo tự đánh giá, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

**Điều 14. Xếp hạng**

1. Giám đốc Học viện quyết định lựa chọn bảng xếp hạng có uy tín phù hợp với định hướng phát triển của Học viện và công khai kết quả xếp hạng.

2. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch xếp hạng tổng thể.

3. Các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch xếp hạng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của dữ liệu cung cấp cho tổ chức xếp hạng.

### **Điều 15. Quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng**

1. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng bao gồm: hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; các bộ hồ sơ và hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lực và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

2. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế là đầu mối quản lý cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng của Học viện.

3. Các đơn vị trong Học viện chịu trách nhiệm xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, lưu trữ hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của đơn vị theo quy định hiện hành.

4. Các đơn vị trong Học viện cung cấp và cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu cho Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế định kỳ hàng năm và cung cấp số liệu cho các bên liên quan khi có yêu cầu. Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu được cung cấp.

5. Các đơn vị trong Học viện sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu của đơn vị mình để thực hiện đối sánh nhằm cải tiến chất lượng theo quy định hiện hành.

6. Cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng của Học viện được thu thập, lưu trữ, quản lý, xử lý bằng phần mềm chuyên dụng.

7. Các đơn vị, cá nhân được phân quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG IV**

### **VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG TẠI HỌC VIỆN**

#### **Điều 16. Mục đích**

1. Thiết lập hệ thống văn hóa chất lượng cho các môi trường hoạt động của Học viện (môi trường học thuật, môi trường xã hội, môi trường nhân văn, môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên) để không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng.

2. Giúp cán bộ, giảng viên, người học nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng trong giáo dục đại học và giúp mọi cá nhân tuân theo các giá trị, nguyên tắc và chuẩn mực của đơn vị với tinh thần tự giác, thái độ hợp tác, trách nhiệm và chia sẻ.

#### **Điều 17. Nguyên tắc xây dựng văn hóa chất lượng**

Xây dựng văn hóa chất lượng phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Đảm bảo sự nhất trí từ Ban Giám đốc đến các cán bộ, viên chức, người lao động và người học. Trong đó, mọi thành viên phải được tham gia, đóng góp vào tất cả các hoạt động xây dựng văn hóa chất lượng và hướng đến sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Gắn với đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, đặc biệt là đảm bảo chất lượng bên trong để đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với mục đích cải tiến và phát triển chất lượng của Học viện.

3. Phù hợp với điều kiện cụ thể của Học viện, đáp ứng các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng trong nước và quốc tế.

### **Điều 18. Nội dung xây dựng văn hóa chất lượng**

#### 1. Xây dựng văn hóa chất lượng trong môi trường học thuật

Môi trường học thuật là môi trường trong đó diễn ra các hoạt động học thuật: các hoạt động dạy và học, nghiên cứu, trao đổi theo những quan điểm và phương pháp giáo dục, nghiên cứu tiên tiến, tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức trong chuyên môn.

a) Xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách, quy định để đảm bảo chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện.

b) Các thông tin về đào tạo và nghiên cứu khoa học trên trang thông tin điện tử của Học viện thường xuyên được cập nhật, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu cung cấp thông tin của người học và các bên liên quan.

c) Các hoạt động học thuật, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu khoa học tại mỗi đơn vị, giữa các đơn vị với nhau và với các cơ sở bên ngoài được các đơn vị quan tâm, được Học viện tạo điều kiện để duy trì và phát triển.

d) Đội ngũ cán bộ, giảng viên có ý thức và nỗ lực học tập để nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, sư phạm, ngoại ngữ; tâm huyết trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạo đức nghề nghiệp.

e) Người học được tạo điều kiện để phát triển kiến thức, kỹ năng; có lý tưởng cao đẹp, có ý thức tự học và không ngừng vươn lên trong học tập và rèn luyện.

#### 2. Xây dựng văn hóa chất lượng trong môi trường xã hội

Môi trường xã hội là môi trường trong đó có các mối quan hệ xã hội, bao gồm khung tổ chức và những chủ trương, chính sách, quy định giúp cho hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và hành vi của các thành viên được xác lập đầy đủ, góp phần tạo nên sức mạnh của cơ sở giáo dục đại học.

a) Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng và có cơ chế đánh giá chất lượng công việc mang lại hiệu quả.

b) Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý Học viện được định kỳ cập nhật, được quy trình hóa và có các hướng dẫn thực hiện cần thiết, được đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Học viện.

c) Các thành viên trong Học viện hiểu biết đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của mình, có ý thức và tận tụy, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng kế hoạch và có chất lượng; thực hành tiết kiệm, không tham nhũng, bảo vệ tài sản công.

### 3. Xây dựng văn hóa chất lượng trong môi trường nhân văn

Môi trường nhân văn là môi trường trong đó quyền và nghĩa vụ của các thành viên và các bên liên quan của cơ sở giáo dục đại học được xác lập tường minh và được tuân thủ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

a) Học viện tạo điều kiện tốt nhất để phát huy đầy đủ các quyền dân chủ và thực hiện đầy đủ các quyền lợi cơ bản theo chế độ chính sách của Nhà nước đối với đội ngũ công chức, viên chức và người lao động, người học.

b) Xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách và giải pháp để đội ngũ công chức, viên chức và người lao động, người học thực hiện đầy đủ, chất lượng và hiệu quả trách nhiệm đối với Học viện và xã hội.

c) Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong một tập thể, giữa các tập thể và với xã hội, cộng đồng được Học viện và mỗi tập thể, cá nhân quan tâm thực hiện. Không có hiện tượng bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ.

d) Người học được xem là đối tượng được phục vụ chính trong Học viện, được quan tâm chăm sóc tận tình, chu đáo trong học tập, sinh hoạt và khi giải quyết công việc.

### 4. Xây dựng văn hóa chất lượng trong môi trường văn hóa

Môi trường văn hóa là môi trường được xác lập hệ thống các chuẩn mực, giá trị, niềm tin, quy tắc ứng xử được xem là tốt đẹp và được các thành viên trong cơ sở giáo dục đại học đồng thuận và tự giác thực hiện.

a) Xây dựng và triển khai có hiệu quả các giá trị, quy tắc ứng xử, hợp tác, hỗ trợ, tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên, đơn vị, các quy định về nếp sống văn minh nơi công sở.

b) Mỗi tập thể quan tâm phát triển ý thức tự giác ở mỗi cá nhân trong giảng dạy, làm việc, sinh hoạt, học tập; trong thực hiện nếp sống lành mạnh, phát huy truyền thống tốt đẹp của Học viện và bản sắc văn hóa dân tộc.

c) Học viện và các tổ chức, đoàn thể cùng quan tâm xây dựng đời sống văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho tất cả các thành viên; đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, vệ sinh trong khuôn viên Học viện.

d) Các thành viên trong Học viện có ý thức và nỗ lực giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp của tập thể, thực hiện nếp sống văn minh, góp phần bảo vệ môi trường sống.

### 5. Xây dựng văn hóa chất lượng trong môi trường tự nhiên

Môi trường tự nhiên là môi trường cảnh quan, cơ sở vật chất góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

a) Giữ gìn và tôn tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở trong và ngoài các tòa nhà làm việc, khu thực hành, khu thí nghiệm của Học viện và các đơn vị trong Học viện.

b) Sử dụng tiết kiệm, an toàn, cẩn thận và có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, nghiên cứu, làm việc.

c) Cơ sở vật chất phục vụ đời sống tinh thần đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các thành viên trong Học viện và ngày càng được cải thiện, nâng cấp .

### **Điều 19. Các bước xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng**

Bước 1. Tuyên truyền và phổ biến đến cán bộ, giảng viên, người học và các bên liên quan về văn hóa chất lượng của Học viện.

Bước 2. Hướng dẫn, tập huấn để triển khai các quy định về văn hóa chất lượng của Học viện trong đơn vị.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch thực hiện văn hóa chất lượng của Học viện và của mỗi đơn vị trong Học viện (lồng ghép vào kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện và nhiệm vụ năm học của đơn vị).

Bước 4. Triển khai kiểm tra, giám sát định kỳ, tổng hợp các đánh giá từ các bên liên quan để xác định những mặt tích cực và những điểm còn hạn chế, những điển hình tiêu biểu của Học viện trong thực hiện văn hóa chất lượng.

Bước 5. Tổ chức sơ kết, tổng kết về thực hiện văn hóa chất lượng nhằm phổ biến, nhân rộng những điển hình tiêu biểu và khắc phục những mặt còn hạn chế.

Bước 6: Thực hiện các hoạt động duy trì, phát huy điểm mạnh và cải tiến những mặt hạn chế về văn hóa chất lượng của đơn vị.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Hội đồng Đảm bảo chất lượng và Ban Giám đốc**

1. Hội đồng Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hiện hành về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện.

2. Ban Giám đốc có trách nhiệm phê duyệt các kế hoạch, chương trình và phân bổ nguồn lực cho các đơn vị; chỉ đạo, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt.

#### **Điều 21. Các đơn vị chức năng**

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động của đơn vị.

2. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng theo kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện; báo cáo kết quả thực hiện trong từng năm học.

3. Cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đảm bảo chất lượng, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

4. Định kỳ hàng năm đối sánh kết quả hoạt động của đơn vị để cải tiến chất lượng.

#### **Điều 22. Các khoa chuyên môn**

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của Khoa và Bộ môn.

2. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng theo kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện; báo cáo kết quả thực hiện trong từng năm học.

3. Thực hiện định kỳ rà soát, tự đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo theo quy định.

4. Cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đảm bảo chất lượng, công khai điều kiện chất lượng và giải trình với các bên liên quan.

5. Định kỳ hàng năm đối sánh kết quả hoạt động của khoa để cải tiến chất lượng.

6. Đăng ký và tổ chức thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; lập kế hoạch và thực hiện cải tiến chương trình đào tạo sau tự đánh giá và đánh giá ngoài.

**Điều 23. Các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học, các đơn vị đào tạo và phục vụ đào tạo, sản xuất, dịch vụ**

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của đơn vị.

2. Cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đảm bảo chất lượng, công khai điều kiện chất lượng và giải trình với các bên liên quan.

**Điều 24. Giảng viên**

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy, trong đó đảm bảo sự nhất quán giữa việc thiết kế và triển khai các nội dung và hoạt động giảng dạy; thường xuyên cập nhật các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ kỹ thuật tiên tiến, đổi mới sáng tạo vào nội dung giảng dạy; sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học, lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần; phát triển và sử dụng đa dạng các công cụ, nguồn lực hỗ trợ giảng dạy; giám sát hỗ trợ người học trong quá trình học tập, rèn luyện.

2. Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

3. Giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của bản thân và đánh giá chất lượng học phần do cá nhân phụ trách; tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan; rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy để cải tiến chất lượng.

4. Tham gia xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo, đề cương môn học, kế hoạch dạy học, giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu chuyên khảo.

5. Tham gia công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo yêu cầu của Học viện.

6. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và bảo đảm chất lượng giáo dục.

**Điều 25. Cán bộ hỗ trợ**

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động hỗ trợ được giao.

2. Đóng góp ý kiến cho lãnh đạo đơn vị nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Tham gia công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu của đơn vị và Học viện.

4. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và bảo đảm chất lượng giáo dục.

#### **Điều 26. Người học**

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng học tập và rèn luyện của bản thân.

2. Đóng góp ý kiến để Khoa và Học viện cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Tham gia các hoạt động về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục khác theo yêu cầu của Khoa và Học viện.

#### **Điều 27. Kinh phí hoạt động**

1. Hằng năm các đơn vị căn cứ vào kế hoạch đảm bảo chất lượng lập dự toán kinh phí thực hiện và trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

2. Các đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán theo quy định của Học viện.

3. Các đơn vị được phép huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước và của Học viện cho công tác đảm bảo chất lượng.

#### **Điều 28. Chế độ báo cáo**

1. Các đơn vị lập báo cáo thường niên về hoạt động của đơn vị và gửi về Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế theo định kỳ hàng năm.

2. Trung tâm Quan hệ công chúng và Hỗ trợ sinh viên, Đoàn Thanh niên, Ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Trung tâm Thông tin Thư viện Lương Định Của và các khoa chuyên môn lập báo cáo kết quả lấy ý kiến về các hoạt động do đơn vị phụ trách và gửi về Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế.

3. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế tập hợp báo cáo thường niên và báo cáo lấy ý kiến về các hoạt động của Học viện theo định kỳ hàng năm.

4. Các đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo, công khai, giải trình với Ban Giám đốc Học viện và các bên liên quan về công tác đảm bảo chất lượng theo quy định hoặc khi được yêu cầu.

### **CHƯƠNG VI**

#### **KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

##### **Điều 29. Kiểm tra, giám sát**

1. Các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục trong Học viện chịu sự kiểm tra, giám sát chuyên môn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

2. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế phối hợp các đơn vị liên quan định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục và kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị hoặc tổ chức kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Học viện.

3. Các kết quả kiểm tra, giám sát được báo cáo với Giám đốc Học viện và Hội đồng Đảm bảo chất lượng.

### **Điều 30. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế đề nghị khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt quy định, kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng và có những kết quả xuất sắc trong hoạt động đảm bảo chất lượng theo quy định của Học viện, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà nước.

2. Những đơn vị, cá nhân không thực hiện đúng quy định về đảm bảo chất lượng, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định của Học viện.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 2157/QĐ-HVN ngày 13 tháng 05 năm 2024.

2. Tên của Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn và các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện vẫn giữ nguyên cho đến khi có Quyết định mới về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị được Giám đốc Học viện ban hành và có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện khi Nhà nước thay đổi các quy định liên quan mà Quy định này chưa kịp sửa đổi thì áp dụng theo quy định mới của Nhà nước; hoặc có điểm nào chưa phù hợp với thực tiễn, cần phải sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, các nhân phản ánh về Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy định này./.

